TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 7 -2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Khen

2. Ông Lê Văn Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế Thanh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa*:** ông Phạm Thành Được- kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 223/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2018/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Cẩm L, sinh năm 1976; trú tại: Số 8, ấp An H, xã An B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1976; trú tại: Số 8, ấp An H, xã An B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/ 5/ 2018 của nguyên đơn chị Lâm Thị Cẩm L và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Năm 1996 chị L và anh Lê Văn T quen nhau rồi tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 01/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc kéo dài đến cuối năm 2001 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T không chung thủy, công khai sống với người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không thay đổi. Chị L thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T.

* *Về con chung*: có 02 con chung tên Lê Lâm Song Ngân, sinh ngày 20/4/2000 và Lê Lâm Song Nguyên, sinh ngày 25/6/2008. Hiện nay cháu Ngân đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Nguyên hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

* *Tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung*: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn T không đến dự phiên hòa giải cũng như không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình: yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành lấy lời khai của đương sự đúng theo quy định tại Điều 98 của BLTTDS. Thời gian xét xử đúng hạn so với quy định tại Điều 203 của BLTTDS. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, quy định tại các Điều 70, 71 và 234

Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định 227 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, 147 của BLTTDS; Căn cứ các Điều 51,53,56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: giao cháu Lê Lâm Song Ngân, sing ngày 25/6/2008 cho chị L nuôi dưỡng và anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xét. Về án phí: buộc chị L phải chịu 300.000đ và anh T nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1996, chị L và anh T cưới nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 100, Quyển số 01/2008 cấp ngày 01/9/2008. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì từ năm 2001 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác và hiện nay anh vẫn sống chung người phụ nữ khác. Xét mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được với nhau, anh T không có bản khai ý kiến cũng như dự phiên hòa giải. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn Tòa án cho chị L được ly hôn với anh T phù hợp với khoản 1 Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

[3]Về con chung: có con chung tên Lê Lâm Song Ngân, sinh ngày 20/4/2000 và Lê Lâm Song Nguyên, sinh ngày 25/6/2008. Cháu Ngân đã trưởng thành nên không đạt ra giải quyết. Còn cháu Nguyên hiện nay đang sống chung với chị L. Nguyên đơn yêu cầu nuôi con chung và anh T không có ý kiến phản hồi gì. Ý kiến của cháu Nguyên là sống chung với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cũng như điều kiện

phát triển của cháu, theo quy định các khoản 2 và 3 của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giao cháu Nguyên cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

Xét Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận một phần. Bởi vì anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại khoản 1 Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình qui định: "Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được câp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng". Bị đơn không có ý kiến về mức cấp dưỡng, nguyên đơn cũng không chứng minh được mức thu nhập của bị đơn nên chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là chưa có căn cứ. Vì vậy cần phải điều chỉnh mức cấp dưỡng theo qui định là 700.000đ/ tháng.

Do đó Tòa án buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ.

[4]Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5]Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6]Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001428 ngày 06/4/ 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Căn cứ vào điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con nên buộc bị đơn nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng**:*

- Khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lâm Thị Cẩm L được ly hôn với anh Lê Văn T.

2.Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Lâm Song Nguyên, sinh ngày 25/6/2008 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Anh T có quyền khởi kiện thay đổi việc nuôi con nếu sau này có yêu cầu.

Buộc anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cháu Lê Lâm Song Nguyên mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn có quyền khởi kiện thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này có yêu cầu.

Bị đơn có quyền khởi kiện thay đổi việc nuôi con chung nếu sau này có yêu cầu.

3.Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4.Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, nên không đặt ra để giải quyết.

5.Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001428 ngày 06/ 4/ 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Buộc bị đơn nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án hôm nay. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đs;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tấn Phong